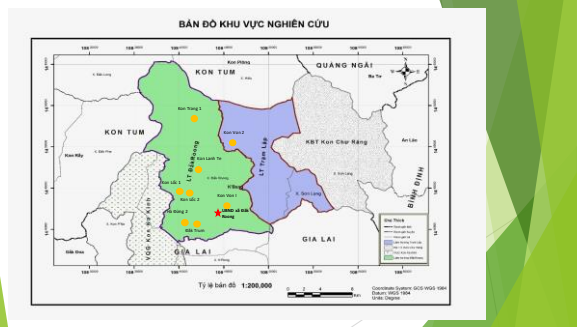


## BỐI CẢNH KINH TẾ XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG NGƯỜI DÂN TẠI KHU VỰC HÀNH LANG KON KA KINH – KON CHƯ RĂNG



### Dự án quản trị nguồn tài nguyên nước

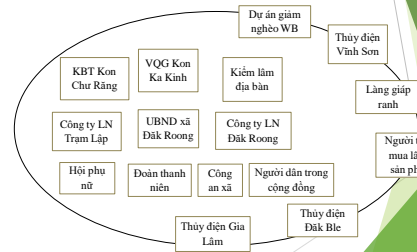
Người trình bày: Nguyễn Đức Tố Lưu



### Dân số và mức sống tại các làng

Chỉ số	Kon I	Von Lanh Te	Kon II	Hà Đưng Trum	Đak Trum	Kon I	Lốc II	Kon Trang I	Kon II	Von
Số hộ	74	76	78	<b>102</b>	69	55	<b>32</b>	<b>64</b>		
Số khẩu	232	269	290	378	271	185	114	252		
Số hộ nghèo và %	27 (36,5)	26 (34,2)	<b>63 (80,8)</b>	78 (76,5)	19 (27,5)	<b>14 (25,5)</b>	10 (31,3)	28 (43,75)		
Số hộ cận nghèo	19	20	4	12	10	9	13			
Số hộ trung bình khá	28 (37,8)	30 (39,5)	11 (14,1)	<b>12 (11,8)</b>	<b>40 (60)</b>	32 (28,2)	9 (28,13)			

### Các bên liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng tại khu vực



### Các mối đe dọa đến rừng

- Lấn chiếm rừng làm nương rẫy: trồng cà phê, tiêu...
- Xây dựng thủy điện: 03 thủy điện trên địa bàn. Tái định cư.



### Các mối đe dọa đến rừng (tiếp)

- Nguồn thu từ lâm sản ngoài gỗ lớn: Kim tuyến, Năm linh chi... Khai thác tràn lan, tận diệt.
- Khai thác gỗ từ bên ngoài (thuế thanh niên địa phương)
- Sản bản thú rừng.



### Năng lực của cộng đồng

- Sinh kế cộng đồng khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo chiếm 48,7%
- Cây công nghiệp mới được trồng tại địa phương, chưa đánh giá được hiệu quả
- Các dự án đầu tư chưa có hiệu quả cao.
- Phương pháp canh tác lạc hậu, thuận theo tự nhiên
- Rừng được giao cho các chủ rừng, chính quyền xã chỉ quản lý địa giới hành chính
- Giao khoán bảo vệ rừng; Mới giao khoán cho một số làng trong khu hành lang,

### Năng lực của cộng đồng

- Trình độ học vấn của cộng đồng thấp. Nhận thức về giá trị của rừng còn nhiều hạn chế. Thiếu cơ chế hỗ trợ, điều kiện học tập.
- Nguồn thu thiếu ổn định, dựa nhiều vào rừng.
- Các khu đất trống còn nhiều, có thể dùng để phục hồi rừng.
- Có sự gắn kết cộng đồng truyền thống tốt. Tri thức bản địa phong phú.

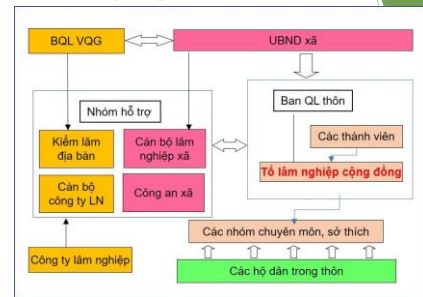


### Các nội dung thúc đẩy cộng đồng tham gia quản lý phát triển rừng

1. Phân định làm rõ ranh giới đất rừng.
2. Phát triển sinh kế gắn với bảo vệ rừng.
3. Tổ chức tuần tra bảo vệ rừng.
4. Quản lý và sử dụng bền vững lâm sản.
5. Nâng cao nhận thức và năng lực cho cộng đồng.



### Mô hình tổ chức cộng đồng



### Giải pháp nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và phát triển rừng

- ▶ Tổ chức lại các tổ BVR hiện có ở các thôn (làng/bản) và xây dựng mô hình "Tổ lâm nghiệp cộng đồng" do UBND xã trực tiếp thúc đẩy và giám sát, cùng với sự hỗ trợ của các đơn vị chủ rừng.
- ▶ Tập huấn nâng cao năng lực và tuyên truyền giáo dục cho các Tổ lâm nghiệp về phát triển các mô hình sinh kế, phát triển bền vững cộng đồng dựa vào nội lực (ABCD)
- ▶ Đào tạo các kỹ năng mềm cho Tổ LNCD: Kỹ năng thương thuyết, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tổ chức họp, lập kế hoạch, tuyên truyền viên trong cộng đồng.
- ▶ Tập huấn về kỹ năng tuần tra BVR, sử dụng thiết bị kỹ thuật trong việc quản lý rừng, báo cáo vi phạm rừng, nâng cao hiểu biết về pháp luật BVR, kết hợp với giám sát đa dạng sinh học.

### Giải pháp nâng cao sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và phát triển rừng

- ▶ Xác định, thống kê, cập nhật ranh giới rừng và đất rừng, đất nương rẫy giáp rừng trong thôn: bản đồ, phân loại (phân định ranh giới).
- ▶ Phát triển sinh kế qua các mô hình nông lâm nghiệp: vườn ươm cộng đồng, trồng rừng phục hồi, mô hình rừng kinh tế, nuôi ong bán hoang dã... Hỗ trợ kinh phí cho các sáng kiến cộng đồng nhằm đạt được mục tiêu sinh kế bền vững.
- ▶ Bảo vệ rừng: tổ chức tuần tra bảo vệ rừng, nâng cao hiệu quả giao khoán BVR, nâng tính chủ động của cộng đồng trong bảo vệ rừng. Giám sát đa dạng sinh học.
- ▶ Chia sẻ lợi ích LSNG: quản lý LSNG, động vật hoang dã.